

UBND HUYỆN HẢI HẬU
TRƯỜNG MẦM NON HẢI QUANG
Số: 88/QĐ-MNHAIQUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hải Quang, ngày 24 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc công bố công khai bổ sung kinh phí cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh theo chế độ năm học 2024 -2025 của Trường Mầm non Hải Quang”

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 36/2017/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định 882/QĐ –PGDĐT ngày 25/ 12/2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào tờ trình 202/TTr-PGDĐT ngày 23/04/2025 về việc bổ sung kinh phí cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh the chế độ năm học 2024 -2025 cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện Hải Hậu (từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 05 năm 2025)

Căn cứ vào tình hình thu chi thực tế của trường Mầm non Hải Quang năm 2025;
Xét đề nghị của bộ phận tài chính, công đoàn trường Mầm non Hải Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung kinh phí cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh the chế độ năm học 2024 - 2025 cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện Hải Hậu (từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 05 năm 2025) của trường Mầm non Hải Quang (theo các biểu số 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận văn phòng, tổ Tài chính và các tổ chuyên môn của trường Mầm non Hải Quang tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Hải Hậu;
- Lưu VP, Tài chính.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Ngọc

Số: 202/TTr- PGDDĐT

Hải Hậu, ngày 23 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v bổ sung kinh phí cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh theo chế độ năm học 2024-2025 cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện Hải Hậu (từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu.

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo từ năm học 2021-2022 trở đi;

Thực hiện Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Thực hiện theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non;

Thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Phòng Giáo dục và Đào tạo kính trình UBND huyện cấp bổ sung kinh phí cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh theo chế độ năm học 2024-2025 (từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025), cụ thể:

I. Kinh phí còn dư năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025:	855.000 đồng
II. Nhu cầu kinh phí chế độ học sinh năm học 2024-2025:	4.922.235.000 đồng
- Cấp bù học phí tháng 9 đến tháng 12 năm 2024:	1.795.526.000 đồng
- Cấp bù học phí tháng 1 đến tháng 5 năm 2025:	2.228.975.000 đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập tháng 9 đến tháng 12 năm 2024:	279.000.000 đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập tháng 1 đến tháng 5 năm 2025:	242.250.000 đồng
- Hỗ trợ tiền ăn trưa tháng 9 đến tháng 12 năm 2024:	84.640.000 đồng
- Hỗ trợ tiền ăn trưa tháng 1 đến tháng 5 năm 2025:	85.600.000 đồng
- Hỗ trợ học sinh khuyết tật tháng 9 đến tháng 12 năm 2024:	105.144.000 đồng
- Hỗ trợ học sinh khuyết tật tháng 1 đến tháng 5 năm 2025:	101.100.000 đồng

III. Kinh phí đề nghị cấp bổ sung năm học 2024-2025: 4.921.380.000 đồng.

(Bốn tỷ, chín trăm hai mươi một triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng)

Kính mong UBND huyện quan tâm giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT; TC.

TRƯỞNG PHÒNG**Vũ Thế Hưng**

**DANH SÁCH TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, TIỀN ẮN TRƯA CHO TRẺ EM TỪ 3-5 TUỔI,
CHÍNH SÁCH VỀ GIÁO DỤC VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2024-2025 CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS TRONG HUYỆN**

(Kèm theo Tờ trình số 202/TTtr- PGDĐT ngày 23/4/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo).

Đơn: đồng

S TT	Trường	Kinh phí còn dư năm 2024 chuyển sang	Nhu cầu kinh phí năm học 2024-2025										Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm học 2024-2025	Kinh phí đề nghị cấp bổ sung năm 2025
			Kinh phí miễn giảm học phí		Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập		Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi		Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật		Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm học 2024-2025			
			Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2				
	TỔNG CỘNG	855.000	2.228.975.000	279.000.000	242.250.000	84.640.000	85.600.000	105.144.000	101.100.000	4.922.235.000	4.921.380.000			
1	MN Hải An	60.480.000	76.275.000	1.200.000	750.000	6.400.000	6.400.000			151.505.000	151.505.000			
2	MN Hải Anh	88.560.000	110.025.000	600.000	750.000	1.920.000	4.000.000			205.855.000	205.855.000			
3	MN Hải Bắc	33.120.000	40.725.000	1.200.000	-	1.920.000	3.200.000			80.165.000	80.165.000			
4	MN TT Cồn	43.020.000	53.550.000	1.200.000	-	3.200.000	3.200.000			104.170.000	104.170.000			
5	MN Hải Cường	39.600.000	49.500.000	-	-	-	-			89.100.000	89.100.000			
6	MN Hải Châu	36.720.000	46.575.000	1.200.000	1.500.000	3.840.000	6.400.000			96.235.000	96.235.000			
7	MN Hải Chính	48.960.000	60.750.000	-	-	3.200.000	800.000			113.710.000	113.710.000			
8	MN Hải Đông	45.000.000	55.800.000	-	-	-	-			100.800.000	100.800.000			
9	MN Hải Đường	75.240.000	94.500.000	1.200.000	1.500.000	5.120.000	4.000.000			181.560.000	181.560.000			
10	MN Hải Giang	38.880.000	48.825.000	600.000	-	1.920.000	4.000.000			94.225.000	94.225.000			
11	MN Hải Hà	33.120.000	41.850.000	-	-	1.920.000	2.400.000			79.290.000	79.290.000			
12	MN Hải Hoà	52.560.000	65.700.000	-	-	-	-			118.260.000	118.260.000			
13	MN Hải Hưng	64.260.000	79.650.000	3.000.000	-	5.760.000	8.000.000			160.670.000	160.670.000			
14	MN Hải Long	43.020.000	54.450.000	-	-	1.920.000	800.000			100.190.000	100.190.000			
15	MN Hải Lộc	31.140.000	40.275.000	-	-	1.280.000	800.000			73.495.000	73.495.000			
16	MN Hải Lý	78.120.000	98.550.000	-	-	-	1.600.000			178.270.000	178.270.000			
17	MN Hải Nam	39.420.000	49.050.000	600.000	750.000	3.200.000	1.600.000			94.620.000	94.620.000			
18	MN Hải Ninh	36.180.000	44.325.000	1.800.000	-	3.840.000	3.200.000			89.345.000	89.345.000			
19	MN Hải Minh	90.360.000	111.600.000	600.000	750.000	1.920.000	800.000			206.030.000	206.030.000			
20	MN Hải Phong	36.360.000	44.100.000	1.800.000	1.500.000	2.720.000	4.000.000			90.480.000	90.480.000			
21	MN Hải Phúc	31.680.000	40.275.000	-	-	1.280.000	1.600.000			74.835.000	74.835.000			
22	MN Hải Phú	52.740.000	64.800.000	-	-	1.280.000	1.600.000			120.420.000	120.420.000			

S TT	Trường	Kinh phí còn dư năm 2024 chuyển sang	Nhu cầu kinh phí năm học 2024-2025										Kinh phí đề nghị cấp bổ sung năm 2025
			Kinh phí miễn giảm học phí		Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập		Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi		Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật		Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm học 2024-2025		
			Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2			
			Học kỳ 1		Học kỳ 2		Học kỳ 1		Học kỳ 2			Học kỳ 1	
23	MN Hải Phương		38.160.000	47.700.000	1.800.000	2.250.000	5.120.000	3.200.000			98.230.000	98.230.000	
24	MN Hải Quang		37.800.000	48.150.000	600.000	750.000	1.280.000	1.600.000			90.180.000	90.180.000	
25	MN Hải Sơn		38.880.000	47.925.000	1.200.000	750.000	8.320.000	4.800.000			101.875.000	101.875.000	
26	MN Hải Tân		55.620.000	69.525.000	-	-	2.560.000	800.000			128.505.000	128.505.000	
27	MN Hải Tây		33.840.000	41.625.000	2.400.000	-	3.840.000	4.000.000			85.705.000	85.705.000	
28	MN Hải Thanh		27.720.000	34.425.000	1.200.000	1.500.000	1.920.000	2.400.000			69.165.000	69.165.000	
29	MN Thịnh Long		100.260.000	125.550.000	600.000	-	1.280.000	-			227.690.000	227.690.000	
30	MN Hải Trung		46.440.000	59.850.000	600.000	750.000	1.280.000	3.200.000			112.120.000	112.120.000	
31	MN Hải Triều		37.800.000	47.250.000	-	-	-	-			85.050.000	85.050.000	
32	MN Hải Vân		74.700.000	94.050.000	-	-	2.560.000	3.200.000			174.510.000	174.510.000	
33	MN Hải Xuân		61.560.000	76.725.000	600.000	750.000	1.920.000	1.600.000			143.155.000	143.155.000	
34	MN Yên Định		38.520.000	48.150.000	-	-	1.920.000	2.400.000			90.990.000	90.990.000	
	Cộng Mầm non		1.689.840.000	2.112.075.000	24.000.000	14.250.000	84.640.000	85.600.000			4.010.405.000	4.010.405.000	
1	Tiểu học Hải An				3.900.000	6.000.000			8.088.000	0	17.988.000	17.988.000	
2	Tiểu học Hải Anh				2.400.000	3.750.000			16.176.000	20.220.000	42.546.000	42.546.000	
3	Tiểu học Hải Bắc				4.800.000	1.500.000			0	0	6.300.000	6.300.000	
4	Tiểu học TT Côn				4.200.000	2.250.000			0	0	6.450.000	6.450.000	
5	Tiểu học Hải Cường				600.000	1.500.000			0	0	2.100.000	2.100.000	
6	Tiểu học Hải Châu				3.600.000	4.500.000			0	0	8.100.000	8.100.000	
7	Tiểu học Hải Chính				600.000	1.500.000			0	0	2.100.000	2.100.000	
8	Tiểu học Hải Đông				3.000.000	2.250.000			0	0	5.250.000	5.250.000	
9	Tiểu học Hải Đường				2.400.000	3.000.000			0	0	5.400.000	5.400.000	
10	Tiểu học Hải Giang				2.400.000	1.500.000			0	0	3.900.000	3.900.000	
11	Tiểu học Hải Hà				1.800.000	1.500.000			0	0	3.300.000	3.300.000	
12	Tiểu học Hải Hoà				2.400.000	2.250.000			0	0	4.650.000	4.650.000	
13	Tiểu học Hải Hưng				9.000.000	4.500.000			0	0	13.500.000	13.500.000	
14	Tiểu học Hải Long				7.800.000	6.000.000			0	0	13.800.000	13.800.000	
15	Tiểu học Hải Lộc				1.200.000	2.250.000			0	0	3.450.000	3.450.000	
16	Tiểu học Hải Lý				2.400.000	3.000.000			0	0	5.400.000	5.400.000	

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
- Theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Hải Quang

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Tờ trình số 202/TTr-MNHQuang ngày 23/04/2025 của trường Mầm non Hải Quang)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	90 180 000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	90 180 000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	90 180 000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	

Hải Quang, ngày 24 tháng 04 năm 2025

KẾ TOÁN

Phạm Thị Hồng Phương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hoàng Thị Ngọc

Hải Quang, ngày 24 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT

V/v công bố công khai bổ sung kinh phí cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh theo chế độ năm học 2024 -2025 của Trường Mầm non Hải Quang

I. Thời gian: Hội 17 giờ ngày 24 tháng 04 năm 2025

II. Địa điểm: Tại Trường Mầm non Hải Quang.

III. Thành phần: Ban giám hiệu cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Hải Quang.

Có mặt: 22 người Vắng mặt: 0

1. Bà Hoàng Thị Ngọc - Hiệu trưởng – Chủ trì

2. Bà Dương Thị Hạnh - Thư ký

IV. Nội dung:

Trường Mầm non Hải Quang tiến hành họp và niêm yết công khai bổ sung kinh phí cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh theo chế độ năm học 2024 -2025 của Trường Mầm non Hải Quang

Bà Hoàng Thị Ngọc - Hiệu trưởng chủ trì hội nghị công khai bổ sung kinh phí cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh theo chế độ năm học 2024 -2025 của Trường Mầm non Hải Quang công khai và niêm yết tại Phòng hội đồng sư phạm nhà trường, trên cổng thông tin của trường địa chỉ (<http://mnhaiquang.namdinh.edu.vn>).

Thời gian niêm yết: 90 ngày từ ngày 24/04/2025 đến 24/07/2025.

3. Ý kiến các đồng chí trong hội đồng:

Tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Hải Quang nhất trí với nội dung công khai bổ sung kinh phí cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa, học sinh khuyết tật cho học sinh theo chế độ năm học 2024 -2025 của Trường Mầm non Hải Quang mà Bà Hoàng Thị Ngọc đã nêu.

Biên bản được thông qua trước hội nghị. Không có ý kiến khác, hội nghị biểu quyết 100% nhất trí nội dung trên đây./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Dương Thị Hạnh

Dương Thị Hạnh

